

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HS-ST
Ngày 23-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Tâm
2. Bà Tạ Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Giang – Thư ký Toà án, Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay Gơm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/Ksor A, sinh ngày 15/3/2004 tại huyện K, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Buôn T, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con Rơ Ô và bà Ksor H; bị cáo là con thứ 06 trong gia đình có 07 anh chị em. Tiền án, tiền sự: không, nhân thân: tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/9/2022 và giam liên tục cho đến nay. Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

2/Ksor S, sinh ngày 01/01/1997 tại huyện K, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Buôn T, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con Rơ Ô và bà Ksor H; bị cáo là con thứ 05 trong gia đình có 07 anh chị em. Tiền án, tiền sự: không, nhân thân: tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/9/2022 và giam liên tục cho đến nay. Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Ksor A1, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Buôn E, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- *Người làm chứng:*

Chị Kpă H'N, sinh năm 2004; Trú tại: Buôn B, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

Chị Ksor H'R, sinh năm 1991; Trú tại: Buôn B, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

Anh Ksor L, sinh năm 2000; Trú tại: Buôn T, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

Anh Ksor D, sinh ngày 01/8/2006; trú tại: Buôn T, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp: Ông Ksor P; trú tại: Buôn T, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- *Người phiên dịch tiếng Jrai:* Anh Nay Dăm T, sinh năm 1986; Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

Anh Ksor V, sinh năm 2002; Trú tại: Xã I, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt

3. Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa:

01 (một) con dao rựa dài 62cm, lưỡi dao làm bằng kim loại dài 34cm, bản rộng 5.5cm, cán làm bằng gỗ hình trụ tròn dài 28cm, bên ngoài có cuốn băng keo đen.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 20/3/2022, Kpă H'N đang ngồi chơi cùng với Ksor A1 tại nhà của Kpă H'N thuộc buôn B, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai thì có một nhóm khoảng 5-6 người đến nhà H'Nt và hỏi Ksor A đang ở đâu và muốn đánh A. H'N thấy nhóm người này nói chuyện với Ksor A1 nên biết A1 có quen biết với nhóm người này. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày. Ksor A đang ngồi chơi cùng với Ksor D và Nay T tại buôn B xã P thì Kpă H'N nhắn tin cho A với nội dung “mày online đi, có người muốn đánh mày”. A gọi điện thoại cho H'N hỏi “Ai muốn đánh tao, bọn nó có bao nhiêu người, đang ở đâu, giờ còn đó không?”, H'N nói bọn nó có khoảng 5-6 người, A nói “Bây giờ tao qua”. A đi đến quán bi da cạnh đó gặp Ksor S (anh của A), A nói với S có người muốn đánh A rồi rủ và được S đồng ý cùng đi đến xã I để tìm đánh nhóm người muốn đánh A. A mượn xe mô tô BKS: 81N1-006.59 của Ksor D và rủ D đến nhà Ksor H'N để chơi. Do có quen biết H'N nên D đồng ý. Trên đường đi, khi ngang nhà mình, A dừng xe, để D ở ngoài còn mình vào nhà lấy con dao rựa bọc kín vào áo khoác ra để lên xe rồi chở D đến nhà H'N. Sau khi đồng ý cùng A đi tìm đánh nhóm người đòi đánh A, S rủ và cùng Nay T, Ksor P đến xã I để chơi (không nói đi đánh người). S mượn xe mô tô BKS: 81N1-104.30 của Ksor L chở P và T đến nhà H'N. Khi tất cả đến nhà H'N, A gọi riêng H'N ra ngoài và hỏi bọn muốn đánh A đang ở đâu, H'N nói không biết, nhưng biết được nhóm đó quen với Ksor A1. Do biết A1 đang sống cùng anh rể là Ksor

T. Nên H'N dẫn A đến nhà anh T. A cầm theo con dao rựa bọc kín trong áo khoác rồi cùng với S rủ T, P, D đi bộ đến nhà anh T. Khoảng 0 giờ 30 phút, ngày 21/3/2022, số người nói trên đến nhà anh T. Đến nơi H'N hỏi anh T đang nằm ở vòng "A1 đâu", anh T chỉ người đang nằm vòng bên cạnh. Thấy H'N tìm A1 nên A và S nghĩ A trong nhóm người muốn đánh A. S đi đến dùng chân đá nhẹ vào vòng để đánh thức A1 dậy, A1 thức vừa đứng dậy thì S dùng tay đâm trúng vào mặt A1 rồi đẩy A1 ngã xuống đất, A1 vừa đứng dậy thì A dùng con dao rựa chém một nhát từ trên xuống trúng vào tai phải của A1, A1 ngã xuống đất. A tiếp tục chém thêm một nhát vào bàn chân phải của A1. Thấy vậy D ôm A để ngăn cản không cho A chém nữa. Những người đi cùng A và S vì sợ hãi nên không dám vào can ngăn mà chỉ đứng ở ngoài. Lúc này chị Ksor H'R từ trong nhà mở cửa đi ra thấy vậy liền ra can ngăn, A và những người còn lại đi về. A1 được người nhà đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện K.

Ngày 25/4/2022, Ksor A1 có đơn yêu cầu giám định thương tích và xử lý hình sự đối với Ksor A và Ksor S. Ngày 26/04/2022, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu trung tâm giám định pháp y tỉnh P giám định thương tích của Ksor A1.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 130/TgT ngày 29/4/2022 của trung tâm pháp y tỉnh P kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 07% (Bảy phần trăm).

Tại bản cáo trạng số 36/CT- VKS ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo Ksor A và Ksor S theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là BLHS).

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo, người bị hại đồng ý với bản kết luận giám định pháp y về thương tích.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Ksor A và Ksor S theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Ksor A** từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/9/2022.

Bị cáo **Ksor S** từ 08 tháng đến 11 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/9/2022.

Về dân sự: Trước khi mở phiên tòa các bị cáo và bị hại thỏa thuận bồi thường thiệt hại là 120.000.000 đồng (*một trăm hai mươi triệu đồng*), tại phiên tòa các bị cáo và bị hại vẫn đồng ý sự thỏa thuận này. HĐXX, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và bị hại.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao rựa dài 62cm, lưỡi dao làm bằng kim loại dài 34cm, bản rộng 5.5cm, cán làm bằng gỗ hình trụ tròn dài 28cm, bên ngoài có cuốn băng keo đen. Đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/8/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của các bị cáo: Vào khoảng 0 giờ 30 phút, ngày 21/3/2022 mặc dù không quen biết, không có mâu thuẫn với anh Ksor A1 nhưng Ksor A và Ksor S đã dùng tay, dao rựa đâm, chém trúng vào tai phải của anh A1 gây tổn thương cơ thể là 7%. Như vậy, hành vi của các bị cáo rõ ràng là có lỗi và sai trái với đường lối, chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước ta, nay phải chịu trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý đã gây ra là có căn cứ pháp lý.

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, lời luận tội của Kiểm sát viên và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo Ksor A và Ksor S đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Các bị cáo Ksor A và Ksor S không quen biết, không có mâu thuẫn gì với anh Ksor A1 nhưng lại sẵn sàng dùng vũ lực, hung khí để gây thương tích cho anh Ksor A1. Do đó hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác mặc dù tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 11% nhưng vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 BLHS, là có căn cứ pháp luật.

[4] Về trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[4.1] Sức khỏe của con người luôn là vốn quý được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi gây thương tích trái pháp luật cho người khác phải bị xử lý theo quy định để không chỉ răn đe mà còn phòng ngừa chung. Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những ảnh hưởng đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm

mất trật tự trị an trên địa bàn huyện K, gây hoang mang trong dư luận khu dân cư. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện đến cùng với lỗi cố ý.

Xét tính chất vụ án thuộc loại đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự thống nhất, bàn bạc trước, không có sự tổ chức câu kết chặt chẽ với nhau, không phân công công việc cụ thể cho nhau, không lên kế hoạch thực hiện, không có người chỉ huy, cầm đầu. Nay cần xét đến vai trò, mức độ tham gia, nhân thân và các tình tiết tăng nặng cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để cá thể hóa hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo là điều cần thiết.

Trong vụ án này Ksor A là người khởi xướng rủ rê Ksor S cùng tham gia đánh Ksor A1. Cả hai bị cáo không quen biết, không có mâu thuẫn gì với Ksor A1 nhưng khi nghe thông tin Ksor A1 quen biết với nhóm người đi tìm đánh A thì sẵn sàng mang theo dao rựa là hung khí nguy hiểm đi tìm đánh A1. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính ngông cuồng, côn đồ, hung hãn, sẵn sàng gây thương tích cho người khác dù không có lý do, không có mâu thuẫn. Ksor A là anh, nhưng không can ngăn, khuyên bảo mà lại tích cực làm theo củng cố niềm tin cho A để cùng thực hiện tội phạm đến cùng. Từ đó thấy được sự coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác vì nguyên nhân vô cớ. Do đó, các bị cáo chịu một mức án nghiêm khắc để giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời mang tính răn đe, phòng ngừa trong một tầng lớp không nhỏ thanh thiếu niên chơi bời, lêu lổng trong khu dân cư.

Tuy nhiên cần xét các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số có trình độ và nhận thức pháp luật còn hạn chế, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS mà các bị cáo được hưởng.

[4.2] *Về dân sự*: Trước khi mở phiên tòa các bị cáo và bị hại thỏa thuận bồi thường thiệt hại là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), tại phiên tòa các bị cáo và bị hại vẫn đồng ý sự thỏa thuận này. HĐXX, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và bị hại.

[4.3] *Về vật chứng*: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao rựa dài 62cm, lưỡi dao làm bằng kim loại dài 34cm, bản rộng 5.5cm, cán làm bằng gỗ hình trụ tròn dài 28cm, bên ngoài có cuốn băng keo đen. Đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/8/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

[4.4] *Về án phí*: Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Ksor A, Ksor S phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Ksor A** 13 (*mười ba*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 06/9/2022.

Xử phạt bị cáo **Ksor S** 09 (*chín*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 09/9/2022.

2. *Về dân sự*: Áp dụng Điều 46, Điều 48 của BLHS 2015; Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo Ksor A, Ksor S và anh Ksor A1. Buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại Ksor A1 số tiền 120.000.000 đồng (*một trăm hai mươi triệu đồng*), mỗi bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Ksor A1 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*).

3. *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Ksor A, Ksor S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (23/9/2022) lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND h. Krông Pa (02 bản);
- Công an h. Krông Pa (02 bản);
- Bị cáo (0 bản);
- Dương sự;
- Chi cục THADS h. Krông Pa (01 bản);
- Lưu HS vụ án, THA hình sự (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Dung

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

TM. H
Th

Lê Thị Dung

